

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

- Tên Công ty quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam
- Tên Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)
- Tên Quỹ: Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Manulife - MAFPF1
- Ngày lập báo cáo: 08/07/2014

Đơn vị tính : VND

A- TÀI SẢN	Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A	B	1	2
1. Tiền gửi Ngân hàng	110	45,257,342,007	4,497,499,102
1.1 Tiền gửi không kì hạn		3,257,342,007	4,497,499,102
1.2 Tiền gửi có kì hạn		42,000,000,000	-
2. Đầu tư Chứng khoán	120	8,491,549,400	191,541,909,900
3. Đầu tư khác	121	166,000,000,000	-
4. Phải thu từ hoạt động Đầu tư	130	1,663,303,859	215,996,000
5. Phải thu khác	131	-	-
Tổng Tài sản	200	221,412,195,266	196,255,405,002
B- NGUỒN VỐN			
I- Nợ phải trả	300	430,167,134	584,176,504
1. Vay ngắn hạn	310	-	-
2. Phải trả hoạt động Đầu tư	311	-	-
3. Phải trả thu nhập cho nhà Đầu tư	312	-	-
4. Phải trả phụ cấp Ban Đại Diện quỹ	314	39,064,752	15,000,000
5. Phải trả Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát	315	391,102,382	346,696,542
6. Phải trả khác	318	-	222,479,962
II- Nguồn vốn chủ sở hữu	400	220,982,028,132	195,671,228,498
1. Vốn góp của các nhà Đầu tư	410	214,095,300,000	214,095,300,000
1.1. Vốn góp	411	214,095,300,000	214,095,300,000
1.2. Thăng dư vốn	412	-	-
2. Kết quả hoạt động chưa phân phối	420	6,886,728,132	(18,424,071,502)
Tổng cộng nguồn vốn (430=300+400)	430	221,412,195,266	196,255,405,002

Các chỉ tiêu ngoài bảng kế toán

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
2. Ngoại tệ các loại		-	-
3. Chứng khoán theo mệnh giá		1,463,800,000	46,043,810,000



Phan Thị Huỳnh Dao
 Giám đốc Dịch vụ Lưu Ký, Thanh toán và Bù Trừ.
 Bộ phận Dịch Vụ Chứng Khoán Việt Nam

Người lập biểu

Kiều Thị Minh Hằng

Công ty quản lý quỹ

KT. Kế toán trưởng

Trưởng phòng Nghiệp vụ Quản lý Quỹ

Ngô Thị Bạch Minh Luân



Tổng Giám Đốc

Nguyễn Vũ Ngọc Trinh

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CỦA QUỸ
Quý II/ 2014

- Tên Công ty quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam
- Tên Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)
- Tên Quỹ: Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Manulife - MAFPF1
- Ngày lập báo cáo: 08/07/2014

STT	Chi tiêu	Mã số	Năm báo cáo		Năm trước năm báo cáo	
			Số phát sinh kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Số phát sinh kỳ này năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm trước
	A	B	1	2	3	4
A. Xác định Kết quả hoạt động đã thực hiện						
I	Thu nhập từ hoạt động Đầu tư đã thực hiện	10	41,783,879,960	49,668,560,430	1,637,155,761	(1,934,659,741)
1	Cổ tức được nhận	11	911,700,300	1,118,219,600	2,310,976,730	2,863,823,830
2	Lãi trái phiếu được nhận	12	-	-	-	-
3	Lãi tiền gửi	13	624,191,500	624,191,500	61,708,979	61,708,979
4	Thu nhập bán chứng khoán	14	40,247,988,160	47,926,149,330	(735,529,948)	(4,860,192,550)
5	Thu nhập khác	18	-	-	-	-
II	Chi phí	30	1,247,934,649	2,620,623,852	1,138,070,800	2,254,088,346
1	Phí Quản lý Quỹ	31	1,126,154,933	2,267,508,643	926,166,448	1,794,681,754
2	Phí Giám sát, lưu ký tài sản Quỹ	32	68,859,335	136,876,132	65,212,618	130,793,378
3	Chi phí hợp, đại hội	33	8,608,338	8,608,338	28,317,198	56,323,210
4	Chi phí Kiểm toán	34	(57,751,235)	4,307,757	46,900,686	94,954,108
5	Chi phí tư vấn, định giá	35	-	-	-	-
6	Phí và chi phí khác	38	102,063,278	203,322,982	71,473,850	177,335,896
III	Kết quả hoạt động ròng đã thực hiện được phân phối trong kỳ (I - II)	50	40,535,945,311	47,047,936,578	499,084,961	(4,188,748,087)
B. xác định kết quả chưa thực hiện						
I	Thu nhập	60	-	33,051,953,368	18,755,090,765	54,889,036,659
1	Thu nhập đánh giá các khoản đầu tư chứng khoán	61	-	33,051,953,368	18,755,090,765	54,889,036,659
2	Thu nhập chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối kỳ	62	-	-	-	-
II	Chi phí	70	54,789,090,312	54,789,090,312	16,378,982,320	16,545,894,101
1	Chênh lệch lỗ đánh giá các khoản đầu tư	71	54,789,090,312	54,789,090,312	16,378,982,320	16,545,894,101
2	Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối kỳ	72	-	-	-	-
III	Kết quả hoạt động ròng chưa thực hiện cuối kỳ (I - II)	80	(54,789,090,312)	(21,737,136,944)	2,376,108,445	38,343,142,558

Ngân hàng Giám sát
PHÒNG NGHIỆP VỤ
NGÂN HÀNG
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MỘT THÀNH VIÊN
HSBC
(VIỆT NAM)
QUẢN LÝ TP. HỒ CHÍ MINH

Phan Thị Huỳnh Dao
Giám đốc Dịch vụ Lưu Ký, Thanh toán và Bù Trừ,
Bộ phận Dịch Vụ Chứng Khoán Việt Nam

Công ty quản lý quỹ
KT. Kế toán trưởng
Trưởng phòng Nghiệp vụ Tổng Giám Đốc
Quản lý Quỹ

Người lập biểu

Kiểu Thị Minh Hằng

Ngô Thị Bạch Minh Luân

Nguyễn Vũ Ngọc Trinh

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
QUẢN LÝ QUỸ
MANULIFE
VIỆT NAM
TP. HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ
Quý II/ 2014

1. Tên Công ty quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam
2. Tên Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)
3. Tên Quỹ: Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Manulife - MAFPF1
4. Ngày lập báo cáo: 08/07/2014

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo (Quý II/2014)	Kỳ trước (Quý I/2014)
I	Giá trị Tài sản ròng đầu kỳ của Quỹ	235,235,173,133	195,671,228,498
II	Thay đổi giá trị Tài sản ròng của Quỹ trong kỳ	(14,253,145,001)	39,563,944,635
	Trong đó		
1	Thay đổi giá trị Tài sản ròng do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong kỳ	(14,253,145,001)	39,563,944,635
2	Thay đổi giá trị Tài sản ròng của Quỹ do việc phân phối thu nhập của Quỹ cho các nhà Đầu tư trong kỳ	-	-
III	Giá trị Tài sản ròng cuối kỳ	220,982,028,132	235,235,173,133
IV	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ	10,322	10,987


Ngân hàng giám sát

Phan Thị Huỳnh Dao
Giám đốc Dịch vụ Lưu Ký, Thanh toán và Bù Trừ,
Bộ phận Dịch Vụ Chứng Khoán Việt Nam


Tổng Giám Đốc Công ty quản lý quỹ

Nguyễn Vũ Ngọc Trinh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Quý II/ 2014

1. Tên Công ty quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam

2. Tên Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)

3. Tên Quỹ: Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Manulife - MAFPF1

4. Ngày lập báo cáo: 08/07/2014

Đơn vị tính: VND

STT	Chi tiêu	Kỳ báo cáo (Quý II/2014)	Kỳ trước (Quý I /2014)	Lũy kế từ đầu năm
I	Thu nhập từ hoạt động Đầu tư	1,535,891,800	206,519,300	1,742,411,100
1	Cổ tức được nhận	911,700,300	206,519,300	1,118,219,600
2	Lãi trái phiếu được nhận	-	-	-
3	Lãi tiền gửi	624,191,500	-	624,191,500
4	Các khoản thu nhập khác	-	-	-
II	Chi phí	1,247,934,649	1,372,689,203	2,620,623,852
1	Phí Quản lý trả cho công ty quản lý Quỹ	1,126,154,933	1,141,353,710	2,267,508,643
2	Phí lưu ký, giám sát trả cho Ngân hàng Giám sát	68,859,335	68,016,797	136,876,132
3	Chi phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác mà công ty quản lý quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan (nếu có)	59,196,500	58,987,500	118,184,000
	Chi phí dịch vụ nhà đầu tư	59,196,500	58,987,500	118,184,000
4	Chi phí Kiểm toán	(57,751,235)	62,058,992	4,307,757
5	Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho ban đại diện quỹ	19,640,284	41,565,421	61,205,705
	Chi phí tư vấn, định giá	-	-	-
	Chi phí niêm yết	-	22,140,953	22,140,953
	Thù lao Ban Đại Diện Quỹ	19,640,284	19,424,468	39,064,752
6	Chi phí dự thảo, in ấn, gửi bản cáo bạch, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho nhà đầu tư, chi phí công bố thông tin của quỹ, chi phí tổ chức họp đại hội nhà đầu tư, ban đại diện quỹ	8,608,338	-	8,608,338
	Chi phí họp, đại hội	8,608,338	-	8,608,338
7	Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của quỹ	-	-	-
8	Các loại phí khác	23,226,494	706,783	23,933,277
	Phí ngân hàng	2,986,494	706,783	3,693,277
	Chi phí khác	-	-	-
	Chi phí công bố thông tin giải thể Quỹ	20,240,000	-	20,240,000
III	Thu nhập ròng từ hoạt động đầu tư (I - II)	287,957,151	(1,166,169,903)	(878,212,752)
IV	Lãi (lỗ) từ hoạt động đầu tư	(14,541,102,152)	40,730,114,538	26,189,012,386
1	Lãi (lỗ) thực tế phát sinh từ hoạt động đầu tư	40,247,988,160	7,678,161,170	47,926,149,330
2	Thay đổi về giá trị của các khoản đầu tư trong kỳ	(54,789,090,312)	33,051,953,368	(21,737,136,944)
V	Thay đổi của giá trị tài sản ròng của Quỹ do các hoạt động đầu tư trong kỳ (III + IV)	(14,253,145,001)	39,563,944,635	25,310,799,634
VI	Giá trị Tài sản ròng đầu kỳ	235,235,173,133	195,671,228,498	195,671,228,498
VII	Thay đổi giá trị Tài sản ròng của Quỹ trong kỳ	(14,253,145,001)	39,563,944,635	25,310,799,634
	Trong đó			
1	Thay đổi giá trị Tài sản ròng của quỹ do các hoạt động liên quan đến đầu tư trong kỳ	(14,253,145,001)	39,563,944,635	25,310,799,634
2	Thay đổi giá trị Tài sản ròng do việc phân phối thu nhập của Quỹ cho các nhà Đầu tư trong kỳ	-	-	-
VIII	Giá trị Tài sản ròng cuối kỳ	220,982,028,132	235,235,173,133	220,982,028,132
IX	Lợi nhuận bình quân năm (chỉ áp dụng đối với báo cáo năm)			
	Tỷ suất lợi nhuận bình quân năm (chỉ áp dụng đối với báo cáo năm)			

PHÒNG NGHIỆP VỤ
NGÂN HÀNG
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MỘT THÀNH VIÊN
HSBC
(VIỆT NAM)
QUẢN LÝ TP. HỒ CHÍ MINH

Phan Thị Huỳnh Dao
Giám đốc Dịch vụ Lưu Ký, Thanh toán và Bù Trừ,
Bộ phận Dịch Vụ Chứng Khoán Việt Nam

Tổng Giám Đốc Công ty Quản lý Quỹ
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
QUẢN LÝ QUỸ
MANULIFE
VIỆT NAM
QUẢN LÝ TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Vũ Ngọc Trinh

BÁO CÁO TÀI SẢN CỦA QUỸ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

- Tên Công ty quản lý quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Việt Nam
- Tên Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)
- Tên Quỹ: Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Manulife - MAFPF1
- Ngày lập báo cáo: 08/07/2014

Đơn vị tính : VND

STT	Tài sản	Kỳ báo cáo (30/06/2014)	Kỳ trước (31/03/2014)	%/ kỳ trước
I. 1	Tiền và các khoản tương đương tiền	45,257,342,007	17,597,487,328	257.18%
	Tiền	3,257,342,007	17,597,487,328	18.51%
	Tiền gửi ngân hàng	42,000,000,000	-	-
	Các khoản tương đương tiền	-	-	-
I. 2	Các khoản Đầu tư	8,491,549,400	218,301,178,100	3.89%
	Trái phiếu Chính phủ	-	-	-
	Trái phiếu Công ty	-	-	-
	Cổ phiếu	8,491,549,400	218,301,178,100	3.89%
	Cổ phiếu niêm yết	8,491,549,400	218,301,178,100	3.89%
	Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	-
	Quyền mua	-	-	-
I. 3	Cổ tức, trái tức được nhận	-	3,000	0.00%
	Cổ tức được nhận	-	3,000	0.00%
	Trái tức được nhận	-	-	-
I. 4	Lãi được nhận	495,408,334	-	-
I. 5	Tiền bán chứng khoán chờ thu	1,167,895,525	-	-
	Phải thu bán cổ phiếu niêm yết	1,167,895,525	-	-
I. 6	Các khoản phải thu khác	-	-	-
I. 7	Các tài sản khác	166,000,000,000	-	-
I. 8	TỔNG TÀI SẢN	221,412,195,266	235,898,668,428	93.86%
STT	Nợ	Kỳ báo cáo (30/06/2014)	Kỳ trước (31/03/2014)	%/ kỳ trước
II. 1	Tiền phải thanh toán mua Chứng khoán	-	-	-
	Phải trả mua cổ phiếu niêm yết	-	-	-
II. 2	Các khoản phải trả khác	430,167,134	663,495,295	64.83%
	Phí quản lý phải trả	368,955,218	392,750,118	93.94%
	Phí giám sát và phí lưu ký phải trả	22,147,164	22,147,755	100.00%
	Chi phí hợp phải trả	-	61,513,962	0.00%
	Chi phí dịch vụ nhà đầu tư phải trả	-	-	-
	Chi phí kiểm toán phải trả	-	167,658,992	0.00%
	Chi phí thù lao Ban Đại Diện Quỹ phải trả	39,064,752	19,424,468	-
	Chi phí báo giá OTC phải trả	-	-	-
II. 3	TỔNG NỢ	430,167,134	663,495,295	64.83%
	Tài sản ròng của Quỹ (I. 8 - II. 3)	220,982,028,132	235,235,173,133	93.94%
	Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành	21,409,530	21,409,530	100.00%
	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ	10,322	10,987	93.95%

Ghi chú: Trong kỳ, Quỹ không có số dư về các khoản vay tiền, hợp đồng Repo, các khoản cho vay chứng khoán và hợp đồng Reverse Repo



Phan Thị Huỳnh Dao

Giám đốc Dịch vụ Lưu Ký, Thanh toán và Bù Trừ,
Bộ phận Dịch vụ Chứng Khoán Việt Nam



Nguyễn Vũ Ngọc Trinh